

Q326A012103
(MTTN26001537.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

10/02/2026

Trang/ Page: 1/9

- Tên mẫu : Nước khoáng thiên nhiên La Vie 19L
Thời gian lấy mẫu: 22h00, 20/01/2026
- Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp
- Dạng mẫu: lỏng
- Dụng cụ chứa: 1 bình nhựa
- Số đơn vị/mẫu: 19 L
- Chụp hình mẫu: xem hình kèm theo
- Số lượng mẫu : 01
- Ngày nhận mẫu : 31/01/2026
- Thời gian thử nghiệm : 31/01/2026 - 11/02/2026
- Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LA VIE
Quốc Lộ 1A, Khu phố Trường Khánh, Phường Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326A012103
 (MTTN26001537.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/02/2026

Trang/ Page: 2/9



STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.1	Hàm lượng Selen (Se)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.2	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	US EPA 200.8	0,001	-
7.3	Hàm lượng Bari (Ba),	mg/L	US EPA 200.8	0,07	-
7.4	Hàm lượng Borat tính theo bo (B)	mg/L	US EPA 200.8	0,05	-
7.5	Hàm lượng cadmi (Cd)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005
7.6	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.7	Hàm lượng chất hoạt động bề mặt anion	mg/L	TCVN 6622-1:2009	KPH	0,05
7.8	Hàm lượng Crom (Cr)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.9	Hàm lượng Cyanid (CN ⁻)	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,005
7.10	Hàm lượng Dầu khoáng	mg/L	ISO 9377-2:2000	KPH	0,1
7.11	Hàm lượng Fluorid (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,3	-
7.12	Hàm lượng Mangan (Mn)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.13	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.14	Hàm lượng Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,5	-
7.15	Hàm lượng nitrit (NO ₂ ⁻)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,02
7.16	Hàm lượng stibi (Sb)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.17	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0002
7.18	Hàm lượng đồng (Cu)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.19	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật clo hữu cơ	-	US EPA 3510C & US EPA 8270E	-	-



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326A012103
(MTTN26001537.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/02/2026

Trang/ Page: 3/9



STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.19.1	4,4'-DDD	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.2	4,4'-DDE	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.3	4,4'-DDT	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.4	Aldrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.5	Dieldrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.6	Endosulfan-sulfate	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.7	Endrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.8	HCB	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.9	Heptachlor	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.10	Heptachlor-epoxide	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.11	Methoxychlor	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326A012103
(MTTN26001537.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

10/02/2026

Trang/ Page: 4/9

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.19.12	α -Endosulfan	$\mu\text{g/L}$	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.13	α -HCH	$\mu\text{g/L}$	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.14	β -Endosulfan	$\mu\text{g/L}$	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.15	β -HCH	-	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.16	γ -HCH	$\mu\text{g/L}$	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.17	δ -HCH	$\mu\text{g/L}$	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.20	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ carbamate	-	US EPA 8321B	-	-
7.20.1	Aldicarb	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.2	Fenobucarb	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.3	Aldicarb sulfone	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.4	Aldicarb sulfoxide	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.5	Carbaryl	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.6	Carbendazime	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.7	Carbofuran	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.8	Imidacloprid	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.9	Isoprocarb	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.10	Methiocarb	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.11	Methomyl	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326A012103
(MTTN26001537.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/02/2026

Trang/ Page: 5/9



STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.20.12	Oxamyl	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.13	Propurxur	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.14	Thiabendazole	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.21	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật nhóm cúc tổng hợp	-	US EPA 3510C & US EPA 8270E	-	-
7.21.1	Cypermethrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1
7.21.2	Deltamethrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1
7.21.3	Fenvalerate	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1
7.21.4	Permethrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1
7.22	Dư lượng thuốc trừ cỏ	-	US EPA 8321B	-	-
7.22.1	2,4,5-T	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.22.2	2,4-D	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.22.3	2,4-DB	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.22.4	Bentazone	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.22.5	Dichloprop (2,4-DP)	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.22.6	Fenoprop	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.22.7	Fipronil	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.22.8	MCPA	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3
7.22.9	Mecoprop (MCP)	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.23	Hàm lượng Polychlorinated biphenyls (PCBs)	µg/L	QUATEST3 1047:2023	-	-

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*



Q326A012103
 (MTTN26001537.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/02/2026

Trang/ Page: 6/9

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.23.1	PCB-101	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.2	PCB-118	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.3	PCB-138	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.4	PCB-149	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.5	PCB-153	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.6	PCB-170	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.7	PCB-18	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.8	PCB-180	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.9	PCB-194	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.10	PCB-209	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.11	PCB-28	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.12	PCB-31	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.13	PCB-44	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.14	PCB-52	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.24	Hàm lượng Hydrocarbon thơm đa vòng (PAHs)	µg/L	SMEWW 6440C:2023	-	-
7.24.1	Acenaphthene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*



Q326A012103
(MTTN26001537.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/02/2026

Trang/ Page: 7/9

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.24.2	Acenaphthylene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.3	Anthracene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.4	Benzo(a)anthracene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.5	Benzo(a)pyrene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.6	Benzo(b)fluoranthene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.7	Benzo(g,h,i)perylene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.8	Benzo(k)fluoranthene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.9	Chrysene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.10	Dibenzo(a,h)anthracene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.11	Fluoranthene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.12	Fluorene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.13	Indeno(1,2,3-c,d)pyrene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.14	Naphthalene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.15	Phenanthrene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.16	Pyrene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326A012103
(MTTN26001537.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/02/2026

Trang/ Page: 8/9

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.25	Coliforms	CFU/250mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-
7.26	Escherichia coli	CFU/250mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-
7.27	Pseudomonas aeruginosa	CFU/250mL	ISO 16266:2006	< 1 ^(c)	-
7.28	Enterococci (Streptococci faecal)	CFU/250mL	ISO 7899-2:2000 (QCVN 06-1:2010/BYT)	< 1 ^(c)	-
7.29	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit (Clostridia)	CFU/50mL	ISO 6461-2:1986	< 1 ^(c)	-

Ghi chú:

- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc
- ISO: International Organization for Standardization
- KPH: Không phát hiện
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia
- US EPA: United States Environmental Protection Agency
- (c): Kết quả được biểu thị “< 1 CFU” được xem là “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu kiểm tra.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*



Q326A012103
 (MTTN26001537.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/02/2026

Trang/ Page: 9/9



QUATEST 3®

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326A012103
(MTTN26001537.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/02/2026
Trang/ Page: 1/9

- Tên mẫu : Nước khoáng thiên nhiên La Vie 500 mL
Thời gian lấy mẫu: 14h18, 20/01/2026
- Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp
- Dạng mẫu: lỏng
- Dụng cụ chứa: 1 chai nhựa
- Số đơn vị/mẫu: 500 mL x 24
- Chụp hình mẫu: xem hình kèm theo
- Số lượng mẫu : 01
- Ngày nhận mẫu : 31/01/2026
- Thời gian thử nghiệm : 31/01/2026 - 11/02/2026
- Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LA VIE**
Quốc Lộ 1A, Khu phố Trường Khánh, Phường Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326A012103
 (MTTN26001537.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/02/2026

Trang/ Page: 2/9

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.1	Hàm lượng Selen (Se)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.2	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	US EPA 200.8	0,002	-
7.3	Hàm lượng Bari (Ba),	mg/L	US EPA 200.8	0,07	-
7.4	Hàm lượng Borat tính theo bo (B)	mg/L	US EPA 200.8	0,05	-
7.5	Hàm lượng cadmi (Cd)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005
7.6	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.7	Hàm lượng chất hoạt động bề mặt anion	mg/L	TCVN 6622-1:2009	KPH	0,05
7.8	Hàm lượng Crom (Cr)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.9	Hàm lượng Cyanid (CN ⁻)	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,005
7.10	Hàm lượng Dầu khoáng	mg/L	ISO 9377-2:2000	KPH	0,1
7.11	Hàm lượng Fluorid (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,3	-
7.12	Hàm lượng Mangan (Mn)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.13	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.14	Hàm lượng Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,4	-
7.15	Hàm lượng nitrit (NO ₂ ⁻)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,02
7.16	Hàm lượng stibi (Sb)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.17	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0002
7.18	Hàm lượng đồng (Cu)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.19	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật clo hữu cơ	-	US EPA 3510C & US EPA 8270E	-	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*



Q326A012103
(MTTN26001537.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/02/2026

Trang/ Page: 3/9

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.19.1	4,4'-DDD	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.2	4,4'-DDE	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.3	4,4'-DDT	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.4	Aldrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.5	Dieldrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.6	Endosulfan-sulfate	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.7	Endrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.8	HCB	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.9	Heptachlor	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.10	Heptachlor-epoxide	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.11	Methoxychlor	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326A012103
(MTTN26001537.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/02/2026

Trang/ Page: 4/9

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.19.12	α -Endosulfan	$\mu\text{g/L}$	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.13	α -HCH	$\mu\text{g/L}$	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.14	β -Endosulfan	$\mu\text{g/L}$	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.15	β -HCH	-	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.16	γ -HCH	$\mu\text{g/L}$	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.17	δ -HCH	$\mu\text{g/L}$	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.20	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ carbamate	-	US EPA 8321B	-	-
7.20.1	Aldicarb	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.2	Fenobucarb	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.3	Aldicarb sulfone	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.4	Aldicarb sulfoxide	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.5	Carbaryl	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.6	Carbendazime	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.7	Carbofuran	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.8	Imidacloprid	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.9	Isoprocarb	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.10	Methiocarb	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.11	Methomyl	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326A012103
 (MTTN26001537.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/02/2026

Trang/ Page: 5/9

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.20.12	Oxamyl	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.13	Propurxur	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.14	Thiabendazole	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.21	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật nhóm cúc tổng hợp	-	US EPA 3510C & US EPA 8270E	-	-
7.21.1	Cypermethrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1
7.21.2	Deltamethrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1
7.21.3	Fenvalerate	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1
7.21.4	Permethrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1
7.22	Dư lượng thuốc trừ cỏ	-	US EPA 8321B	-	-
7.22.1	2,4,5-T	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.22.2	2,4-D	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.22.3	2,4-DB	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.22.4	Bentazone	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.22.5	Dichloprop (2,4-DP)	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.22.6	Fenoprop	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.22.7	Fipronil	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.22.8	MCPA	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3
7.22.9	Mecoprop (MCP)	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.23	Hàm lượng Polychlorinated biphenyls (PCBs)	µg/L	QUATEST3 1047:2023	-	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326A012103
(MTTN26001537.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/02/2026

Trang/ Page: 6/9

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.23.1	PCB-101	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.2	PCB-118	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.3	PCB-138	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.4	PCB-149	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.5	PCB-153	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.6	PCB-170	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.7	PCB-18	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.8	PCB-180	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.9	PCB-194	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.10	PCB-209	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.11	PCB-28	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.12	PCB-31	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.13	PCB-44	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.14	PCB-52	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.24	Hàm lượng Hydrocarbon thơm đa vòng (PAHs)	µg/L	SMEWW 6440C:2023	-	-
7.24.1	Acenaphthene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326A012103
(MTTN26001537.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/02/2026

Trang/ Page: 7/9

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.24.2	Acenaphthylene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.3	Anthracene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.4	Benzo(a)anthracene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.5	Benzo(a)pyrene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.6	Benzo(b)fluoranthene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.7	Benzo(g,h,i)perylene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.8	Benzo(k)fluoranthene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.9	Chrysene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.10	Dibenzo(a,h)anthracene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.11	Fluoranthene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.12	Fluorene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.13	Indeno(1,2,3-c,d)pyrene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.14	Naphthalene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.15	Phenanthrene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.16	Pyrene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326A012103
(MTTN26001537.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/02/2026

Trang/ Page: 8/9

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.25	Coliforms	CFU/250mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-
7.26	Escherichia coli	CFU/250mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-
7.27	Pseudomonas aeruginosa	CFU/250mL	ISO 16266:2006	< 1 ^(c)	-
7.28	Enterococci (Streptococci faecal)	CFU/250mL	ISO 7899-2:2000 (QCVN 06-1:2010/BYT)	< 1 ^(c)	-
7.29	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit (Clostridia)	CFU/50mL	ISO 6461-2:1986	< 1 ^(c)	-

Ghi chú:

- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc
- ISO: International Organization for Standardization
- KPH: Không phát hiện
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia
- US EPA: United States Environmental Protection Agency
- (c): Kết quả được biểu thị “< 1 CFU” được xem là “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu kiểm tra.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326A012103
 (MTTN26001537.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/02/2026

Trang/ Page: 9/9



QUATEST 3[®]

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326A012103
(MTTN26001537.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

11/02/2026
Trang/ Page: 1/4

- Tên mẫu : Nước uống đóng chai có khoáng thiên nhiên La Vie dịu nhẹ 5 L
Thời gian lấy mẫu: 22h10, 24/01/2026
- Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp
- Dạng mẫu: lỏng
- Dụng cụ chứa: 1 bình nhựa
- Số đơn vị/mẫu: 5 L
- Chụp hình mẫu: xem hình kèm theo
- Số lượng mẫu : 01
- Ngày nhận mẫu : 31/01/2026
- Thời gian thử nghiệm : 31/01/2026 - 11/02/2026
- Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LA VIE
Quốc Lộ 1A, Khu phố Trường Khánh, Phường Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Bhan Thanh Trung

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326A012103
(MTTN26001537.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

11/02/2026

Trang/ Page: 2/4

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.1	Hàm lượng Stibi (Sb)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.2	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005
7.3	Hàm lượng Bari (Ba)	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02 (LOQ)	0,01
7.4	Hàm lượng Bor (B)	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02 (LOQ)	0,01
7.5	Hàm lượng Bromat (BrO ₃ ⁻)	mg/L	SMEWW 4110D:2023	KPH	0,004
7.6	Hàm lượng Cadmi (Cd)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005
7.7	Hàm lượng Tổng clo (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6225-2:2021	KPH	0,02
7.8	Hàm lượng Clorate (ClO ₃ ⁻)	mg/L	SMEWW 4110D:2023	KPH	0,01
7.9	Hàm lượng Clorit (ClO ₂ ⁻)	mg/L	SMEWW 4110D:2023	KPH	0,01
7.10	Hàm lượng Crom (Cr)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.11	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.12	Hàm lượng Cyanid (CN ⁻)	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,005
7.13	Hàm lượng Fluorid (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	< 0,1 (LOQ)	0,03
7.14	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.15	Hàm lượng Mangan (Mn)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.16	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0002
7.17	Hàm lượng Molybden (Mo)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.18	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.19	Hàm lượng Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	< 0,4 (LOQ)	0,1
7.20	Hàm lượng Nitrit (NO ₂ ⁻)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,02
7.21	Hàm lượng Selen (Se)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326A012103
(MTTN26001537.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

11/02/2026

Trang/ Page: 3/4



STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.22	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,02
7.23	Hoạt độ phóng xạ beta tổng	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,2
7.24	Coliforms	CFU/250mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-
7.25	Escherichia coli	CFU/250mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-
7.26	Pseudomonas aeruginosa	CFU/250mL	ISO 16266:2006	< 1 ^(c)	-
7.27	Enterococci (Streptococci faecal)	CFU/250mL	ISO 7899-2:2000 (QCVN 06-1:2010/BYT)	< 1 ^(c)	-
7.28	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit (Clostridia)	CFU/50mL	ISO 6461-2:1986	< 1 ^(c)	-

Ghi chú:

- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc
- ISO: International Organization for Standardization
- KPH: Không phát hiện
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia
- US EPA: United States Environmental Protection Agency
- (c): Kết quả được biểu thị “< 1 CFU” được xem là “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu kiểm tra.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

